

"V/v: Xin thay đổi Số đăng ký
sản phẩm **DECOLIC**"

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Sau đây gọi là "Bên mời thầu")

CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA (sau đây gọi là "Nhà thầu") có tham dự và trúng thầu gói thầu: **Mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 - 2025** sản phẩm **DECOLIC** theo Quyết định trúng thầu số: **46/QĐ-SYT** ngày 23/01/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Nay Nhà thầu làm công văn này xin thay đổi thông tin Số đăng ký của sản phẩm **DECOLIC** cụ thể như sau:

Stt	Tên thuốc	Quy cách	Đơn vị tính	Số đăng ký đã trúng thầu	Số đăng ký mới xin thay đổi	Tên nhà sản xuất – Nước sản xuất
1	DECOLIC (Trimebutin maleat 24mg)	Hộp/20 gói x 1,15g	Gói	VD-19304-13	893110199724	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 – Việt Nam

Bằng văn bản này, chúng tôi xin thông báo về việc điều chỉnh và cung ứng sản phẩm **DECOLIC** theo số đăng ký mới **893110199724**. Việc thay đổi Số đăng ký này không ảnh hưởng đến các thông tin khác cũng như chất lượng sản phẩm (đính kèm tài liệu *Giấy phép lưu hành sản phẩm theo số đăng ký cũ và Quyết định gia hạn giấy đăng ký lưu hành với số đăng ký mới để Quý Bệnh viện đối chiếu*).

Ngày áp dụng: 10/06/2024

Nhà thầu xin đính kèm các tài liệu sau:

- Giấy phép lưu hành sản phẩm
- Quyết định 181/QĐ-QLD ngày 21/03/2024 về việc gia hạn giấy đăng ký lưu hành

Kính mong Bên mời thầu xem xét và chấp thuận cho Nhà thầu được tiếp tục cung cấp sản phẩm theo thông tin thay đổi trên.

Trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC



BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM
138A Giảng Võ - Hà Nội - Việt Nam
Tel: 84.4.37366483/38464413 - Fax: 84.438234758

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 10 tháng 6 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH SẢN PHẨM
MARKETING AUTHORIZATION

Tên thuốc : **Decolic**
Name of Drug:
Thành phần chính, hàm lượng : Trimebutin (dưới dạng Trimebutin Imphat) 24mg
Active Ingredients, Strength:
Qui cách đóng gói, bào chế : hộp 20 gói 1,15 gam; Bột pha hòa dịch uống
Packing Size, Dosage form:
Tiêu chuẩn chất lượng : TCCS
Quality Specification:
Hạn dùng : 36 tháng
Shelf-life:

Số giấy phép lưu hành sản phẩm (SDK): **VD-19304-13**
Marketing Authorization Number:

Số quyết định : 240/QĐ-QLD Ngày cấp: 10/9/2013
Approval Decision Number: Date of Issuance:

Hiệu lực của giấy phép lưu hành sản phẩm: có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp
Expiration Date of this Marketing Authorization:

Tên cơ sở đăng ký : Công ty cổ phần dược phẩm 3/2
Name of Marketing Authorization Holder

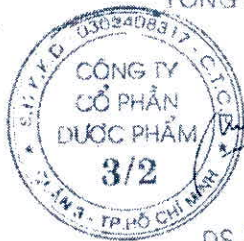
Địa chỉ : 10 Công Trường Quốc Tế, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam
Address:

Tên cơ sở sản xuất : Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
Name of Manufacturer:

Địa chỉ : Số 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam
Address:

Tên cơ sở đóng gói **SAO Y BẢN CHÍNH**
Name of Assembler Ngày...tháng...năm 201...

Địa chỉ **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Address.



DS. Lê Thanh Sĩ

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2013.
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
GENERAL-DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG

Ghi chú: (Note)

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm này được cấp theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế phê duyệt

This marketing authorization has been issued in accordance with the dossier approved by the Vietnam Ministry of Health

2- Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của giấy phép phải được Cục Quản lý dược - Bộ Y tế xác nhận.

Any variations of the contents of the marketing authorization are required to be adopted by the Drug Administration of Vietnam

1000



Ký bởi: Cục Quản
lý Dược
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 21-03-
2024 15:20:39
+07:00

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;
Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc
Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế
quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên
liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 193 tại Công văn số 15/HĐTV-VPHĐ ngày 19/02/2024
của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GDKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193, cụ thể:

- Danh mục 595 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).
- Danh mục 285 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).
- Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

- Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
- Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
- Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực



hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường



Phụ lục I
DANH MỤC 595 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 193
(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-QLD ngày 21 tháng 03 năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

1	Coxlec	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên, vỉ PVC-Alu	NSX	36	893110136424 (VD-18668-13)	1
---	--------	-----------------	----------------	--------------------------------	-----	----	----------------------------	---

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

2	DNASomat	Omeprazol (dưới dạng pellet Omeprazol 8,5%: 235,3mg) 20mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm; Hộp 1 lọ x 14 viên, lọ HDPE	NSX	36	893110136524 (VD-24933-16)	1
---	----------	---	----------------	--	-----	----	----------------------------	---

3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 04 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

3	Amoxicilin 500 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên	ĐDVN V	24	893110136624 (VD-24941-16)	1
4	Ampicilin 500 mg	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin trihydrat) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 vỉ; Hộp 50 vỉ x 10 viên	ĐDVN V	24	893110136724 (VD-24396-16)	1
5	Diclofenac	Diclofenac natri 50mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	ĐDVN IV	24	893110136824 (VD-21946-14)	1
6	Glimethepharm	Glimepirid 2mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110136924 (VD-30657-18)	1
7	Gut C thepharm	Colchicin 1mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	NSX	36	893115137024 (VD-22270-15)	1
8	Mectathepharm	Diosmectite 3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 4g	NSX	36	893100137124 (VD-19554-13)	1
9	Ptu Thepharm	Propylthiouracil 50mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 25 viên; Hộp 10 vỉ x 25 Viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	ĐDVN V	36	893110137224 (VD-18800-13)	1

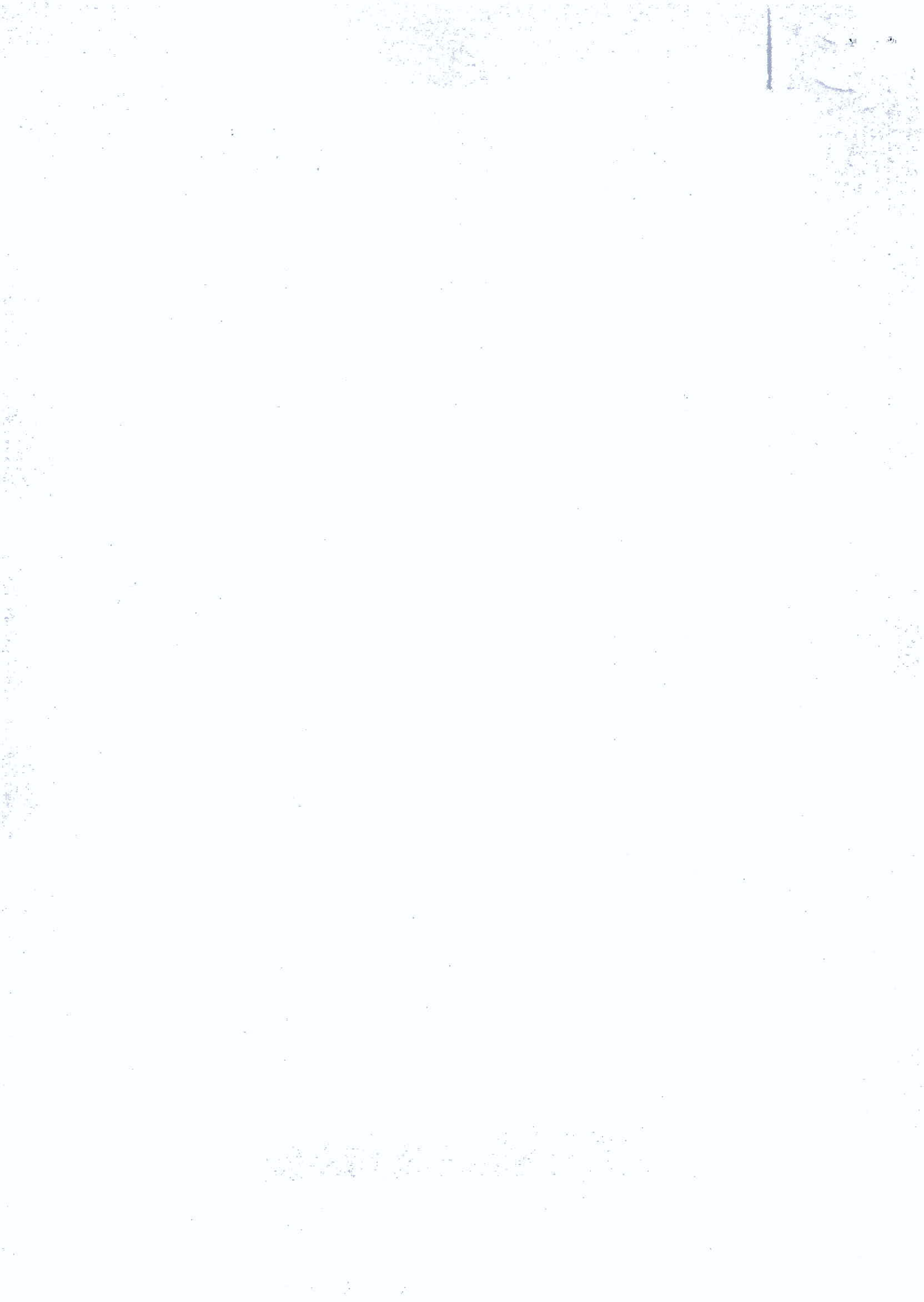


STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	Oresol	Natri clorid 520mg; Natri citrat dihydrat 580mg; Kali clorid 300mg; Glucose khan 2700mg	Thuốc bột uống	Hộp 10 gói x 4,1g; Hộp 40 gói x 4,1g	NSX	36	893100199324 (VD-28810-18)	1
36	Vitamin A 5000 IU	Vitamin A 5000 IU	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên, màng Alu PVC; Hộp 1 chai x 80 viên, chai nhựa HDPE	NSX	24	893110199424 (VD-20160-13)	1
37	Vitamin B1 50mg	Thiamin nitrat 50mg	Viên nén	Hộp 20 chai x 100 viên, Hộp 1 chai x 200 viên, chai nhựa HDPE	NSX	36	893110199524 (VD-26713-17)	1

12. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: Số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

12.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái, Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

38	Calyptin F	Eucalyptol 200mg	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	893100199624 (VD-24695-16)	1
39	Decolic	Trimebutin (dưới dạng Trimebutin maleat) 24mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,15g	NSX	36	893110199724 (VD-19304-13)	1
40	Melyptol	Mỗi 5 ml chứa: Cineol (Eucalyptol) 0,25ml; Tinh dầu bạc hà 0,05ml	Dung dịch xông mũi, họng	Hộp 1 chai x 5ml	NSX	24	893100199824 (VD-27741-17)	1
41	Methionin	Methionin 250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 chai x 100 viên	NSX	36	893110199924 (VD-17374-12)	1
42	Metrima - M	Metronidazol 500mg; Clotrimazol 100mg	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 10 viên	NSX	36	893115200024 (VD-29645-18)	1
43	Nystatin 25.000 IU	Nystatin 25.000IU	Thuốc bột rả miệng	Hộp 20 gói x 1g, gói giấy nhôm	NSX	24	893100200124 (VD-18216-13)	1
44	Prebufen	Ibuprofen 200mg	Thuốc cốm	Hộp 20 gói x 1,5g	NSX	36	893100200224 (VD-17876-12)	1
45	Terfelic B9	Sắt fumarat 151,6mg; Acid folic 0,35mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	893100200324 (VD-18924-13)	1
46	Terfelic F	Sắt fumarat 200mg; Acid Folic 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	893100200424 (VD-19309-13)	1
47	Tragutan F	Cineol 100mg; Tinh dầu trà trà 50mg; Tinh dầu gừng 0,75mg; Tinh dầu tần 0,36mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893100200524 (VD-26088-17)	1
48	Vifticol 1%	Glycerol 100mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai x 10ml	NSX	36	893100200624 (VD-20167-13)	1



**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *11958* /QLD-ĐK

Hà Nội, ngày *17* tháng *7* năm 2019

V/v thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký,
cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc

Kính gửi: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2.

Địa chỉ: *601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh*

Ngày 30/05/2019, Cục Quản lý Dược nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của công ty (mã hồ sơ: 1981/TĐTN-N) về việc thay đổi bổ sung đối với thuốc sản xuất trong nước đã được cấp số đăng ký lưu hành;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận tại Biên bản thẩm định hồ sơ thay đổi/bổ sung của công ty, Cục Quản lý Dược có ý kiến như sau:

Đồng ý đề công ty được thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc đối với 69 thuốc theo Danh mục được đóng dấu xác nhận của Cục Quản lý Dược kèm theo công văn này, cụ thể như sau:

1. Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc

- Địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc đã được phê duyệt: 10 Công Trường Quốc Tế, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;

- Địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc đề nghị thay đổi: 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

2. Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc (không thay đổi địa điểm):

- Cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc đã được phê duyệt: Số 930 C2, Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh;

- Cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc đề nghị thay đổi: Số 930 C2, Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài nội dung được thay đổi trên, tất cả các nội dung khác giữ nguyên như hồ sơ đăng ký thuốc lưu tại Cục Quản lý Dược.

Công ty đăng ký, nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về chất lượng đối với thuốc lưu hành trên thị trường và có trách nhiệm thông báo sự thay đổi này đến các cơ quan liên quan và khách hàng.

Sau 06 tháng kể từ ngày ký công văn này, công ty không được sản xuất thuốc trên với các nội dung cũ đã đề nghị thay đổi.

Cục Quản lý Dược thông báo đề công ty biết và thực hiện đúng các quy định của Việt Nam về lưu hành thuốc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐK (Bi).

**KT. CỤC TRƯỞNG
BỘ CỤC TRƯỞNG**



[Handwritten signature]

Nguyễn Tất Đạt



DANH MỤC

Các thuốc đề nghị thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc, cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc

(Đính kèm theo công văn số: 11958 /QLD-ĐK ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Số đăng ký lưu hành
1.	Vitamin B1 F.T Pharma	VD-24700-16
2.	Acid Folic 5 mg	VD-16826-12
3.	Adazol	VD-22783-15
4.	Cebastin 10	VD-21814-14
5.	Cebastin 20	VD-21815-14
6.	Cetirizin	VD-19303-13
7.	Ciprofloxacin	VD-21624-14
8.	Desloratadin	VD-23482-15
9.	Dextromethorphan 15 mg	VD-17870-12
10.	Eftifarene 20 mg	VD-21227-14
11.	Eutelsan 40	VD-24109-16
12.	Finasteride	VD-24698-16
13.	Forvastin 10	VD-21816-14
14.	Forvastin 20	VD-19828-13
15.	Irbesartan 150	VD-22785-15
16.	Irbesartan 300	VD-22786-15
17.	Larevir 100	VD-20165-13
18.	Spaswell	VD-22434-15
19.	Spibiotic 3 MIU	VD-25111-16
20.	Spifuca	VD-17877-12
21.	Spifuca plus	VD-17878-12
22.	Synervit.F	VD-19308-13
23.	Synervit-F Ferrous	VD-19832-13
24.	Terfelic B9	VD-18924-13
25.	Terfelic F	VD-19309-13
26.	Zostopain 90	VD-22436-15
27.	Zostopain 120	VD-22435-15
28.	Acetylcystein 200 mg	VD-18919-13
29.	Cetirizin 10 mg	VD-19823-13
30.	Clindamycin 150	VD-21226-14
31.	Eftispasmin	VD-19827-13
32.	Lansoprazol	VD-18922-13



33.	Methionin	VD-17374-12
34.	Neuroncure	VD-22111-15
35.	Pantoprazol 40	VD-22787-15
36.	Paracetamol 500	VD-25110-16
37.	Repainlin	VD-24110-16
38.	Eftinas 0,05%	VD-19826-13
39.	Efticol 0,9%	VD-17871-12
40.	Eftimoxin 0,5%	VD-20164-13
41.	I-Zinc	VD-24699-16
42.	Neo - Dexa	VD-19306-13
43.	Vifticol 1%	VD-20167-13
44.	Neo - Megyna	VD-20651-14
45.	Spasless	VD-19831-13
46.	Decolic	VD-19304-13
47.	Eftisucral	VD-22110-15
48.	Hiskast	VD-19305-13
49.	Ostocan 0,6	VD-19307-13
50.	Prebufen - F	VD-17375-12
51.	Prebufen	VD-17876-12
52.	Zinenutri	VD-17376-12
53.	Calyptin F	VD-24695-16
54.	ACM Control 1	VD-25107-16
55.	Agludril 4	VD-20161-13
56.	Clorpheniramin 4 mg	VD-25108-16
57.	Colchicine. Galien	VD-22784-15
58.	Dexone	VD-20162-13
59.	Dexone	VD-20163-13
60.	Decolic	VD-19824-13
61.	Diserti 24	VD-24108-16
62.	Diserti 8	VD-25109-16
63.	Eftimol 30	VD-24696-16
64.	Enafran 5	VD-24697-16
65.	Etimid 10	VD-21228-14
66.	Simze plus	VD-22112-15
67.	Simze	VD-22788-15
68.	Cồn Boric 3%	VD-23481-15
69.	Eftisucral	VD-17873-12

Danh mục gồm 02 trang 69 thuốc./.



